

Số: **88/2023/QĐST-DS**

Gia Lâm, ngày 02 tháng 08 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 07 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 80/2023/TLST – DS ngày 20/6/2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT.

Địa chỉ: Số 266-268 NKKN, phường VTS, Quận 3, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà NĐTD – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng SGTT. Địa chỉ: Số 278 NKKN, phường VTS, Quận 3, Thành phố H (theo Văn bản ủy quyền ngày 12/10/2022). Người đại diện theo pháp luật: Ông LNT – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Ủy quyền lại cho: Anh NTH – Chức vụ: Nhân viên (theo Văn bản ủy quyền ngày 26/04/2023).

Bị đơn:

Anh BVL, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện G, Thành phố H

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ:

Theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 30/06/2016” kèm theo “Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT (Đơn vị phát hành thẻ)”; tính đến ngày 25/07/2023, anh BVL còn nợ Ngân hàng TMCP SGTT số tiền là 67.281.216 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 16.836.351 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 50.444.865 đồng.

2.2. Về phương thức thanh toán:

Đến hết ngày 25/8/2023 anh BVL phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 4.000.000 đồng nợ gốc.

Đến hết ngày 25/9/2023 anh BVL phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 4.000.000 đồng nợ gốc.

Đến hết ngày 25/10/2023 anh BVL phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 8.836.351 đồng nợ gốc.

Đến hết ngày 25/11/2023 anh BVL phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT toàn bộ số tiền nợ còn lại là 50.444.865 đồng và số tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày 26/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi suất áp dụng là mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp các ngày thanh toán nêu trên là ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì ngày trả nợ là ngày làm việc tiếp theo.

Trường hợp anh BVL vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng TMCP SGTT có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2.3. Về án phí:

Anh BVL chịu toàn bộ án phí vụ án dân sự sơ thẩm là 1.682.030 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền tạm ứng án phí là 1.629.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2020/0073995 ngày 20/06/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKND huyện G*
- *VKSND. TPHN*
- *TAND.TPHN*
- *Chi cục THADS huyện G*
- *Lưu.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc